

Số: 242/TTKT&CNĐBPB-TNKĐ
V/v đề nghị công bố thông tin về năng lực đủ
điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành
xây dựng theo Nghị định 14/2026/NĐ-CP
ngày 13/1/2026 của Chính phủ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, nhân sự của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ đường bộ phía Bắc – Cục Đường bộ Việt Nam;

Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ đường bộ phía Bắc kính trình Sở xây dựng tỉnh Lào Cai công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của đơn vị là Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và công trình giao thông (LAS-XD 204) trên trang thông tin của Quý Sở với nội dung như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức: TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG BỘ PHÍA BẮC

- Quyết định thành lập: số 154/QĐ-BXD ngày 04/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tổ chức lại 05 Trung tâm kỹ thuật đường bộ thuộc Cục Đường bộ Việt Nam.

- Quyết định số 199/QĐ-BXD ngày 10/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ đường bộ phía Bắc trực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam.

- Văn bản số 119/TTKT&CNĐBPB ngày 14/05/2026 của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ đường bộ phía Bắc về việc công bố lần 2 thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Địa chỉ trụ sở: Số 108 Khương Trung, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Người đại diện pháp luật: LÊ VĂN THANH – Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0243.568.2855
- Email: nretc@moc.gov.vn
- Website: https://nretc.gov.vn
- Mã số thuế: 0111398756

2. Thông tin Phòng thí nghiệm:

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và công trình giao thông (LAS-XD 204).

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ 32, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội.

- Trưởng phòng: Phạm Văn Phú - ĐT: 090.203.1976

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, máy móc thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 204 do Bộ Xây dựng cấp: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 72/GCN-BXD ngày 06/04/2023)

3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai:

- Trạm thí nghiệm hiện trường Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ đường bộ phía Bắc.

- Địa chỉ trạm thí nghiệm: Nút giao phố Lu, Bảo Thắng, Lào Cai.

- Thông tin liên hệ: Bùi Xuân Bách - ĐT: 036.958.9952.

- Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm thực hiện tại trạm thí nghiệm hiện trường theo Phụ lục I.

- Danh mục thiết bị trạm thí nghiệm hiện trường theo Phụ lục II.

- Dự án thực hiện:

+ Gói thầu KĐCLCT-NBLC: Tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng thuộc Dự án xây dựng mở rộng đoạn Yên Bái - Lào Cai thuộc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai;

- Nhân sự được điều động tại hiện trường theo tiến độ thực hiện của từng dự án.

Đơn vị kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai xem xét công bố thông tin về năng lực hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và công trình giao thông - Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ đường bộ phía Bắc trên trang thông tin của Quý Sở nhằm đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ.

Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ đường bộ phía Bắc cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin tự công bố trên.

Kính mong Quý Sở xem xét, chấp thuận.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TN-KĐ.



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thanh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM THỰC HIỆN
TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo Văn bản số 242 /TTKT&CNĐBPB-TNKĐ ngày 15/09/2026)

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (*)	Thiết bị chính (**)	Thí nghiệm viên (***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I.	CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
1.	Chuẩn bị mẫu	TCVN 14134-1,2:2024	Cân kỹ thuật ĐCX 0.01g; Tủ sấy; Sàng; Dụng cụ nghiền; Dụng cụ chứa và bảo quản;...	Phạm Văn Phú; Hà Hoàng Lâm; Hoàng Mạnh Đức; Bùi Xuân Bách; An Thị Thùy Trang; Nguyễn Minh Thuận; Lê Văn Quỳnh; Đặng Văn Đăng; Nguyễn Huy Huân; Nguyễn Bá Phương; Vũ Văn Duy;...
2.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; 11399:2016; ASTM D854; AASHTO T100	Cân kỹ thuật ĐCX 0.01g; Bình tỷ trọng; Tủ sấy; Tỷ trọng kế; Bể cát...	
3.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T265; JIS A1203	Cân kỹ thuật ĐCX 0.01g; Tủ sấy...	
4.	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012, 14134-4:2024; JIS A1205; ASTM D4318; AASHTO T89, T90	Bộ xác định giới hạn chảy, dẻo; Tủ sấy; Hộp sấy ẩm; Cân kỹ thuật ĐCX 0.01g...	
5.	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014, 14134-3:2024; BS 1377; ASTM D422, C136; AASHTO T88, T27	Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy; Cân kỹ thuật ĐCX 0.01g;	
6.	Thí nghiệm đầm nén	TCVN 12790:2020; ASTM D1557, D698; AASHTO T99, T180; BS 1377-4; JIS A1210	Cối đầm; Chày đầm; Cân kỹ thuật ĐCX 1g và ĐCX 0.01g; Tủ sấy; Bộ sàng tiêu chuẩn; Dụng cụ trộn; Hộp giữ ẩm	
7.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D4914, D7263, D2937	Dao vòng; Thước kẹp; Cân kỹ thuật ĐCX 0.01g và 0.1g; Tủ sấy...	
8.	Xác định sức chịu tải CBR	TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T193; JIS A1222	Thiết bị gia tải; Cân kỹ thuật ĐCX 1g và 0.01g; Sàng 19mm, 4.75mm; Bể ngâm mẫu; Cối đầm; Chày đầm; Tủ sấy...	
9.	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; TCVN 13595:2022; AASHTO T267	Lò nung; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g và 0.01g; Sàng 2mm,	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (*)	Thiết bị chính (**)	Thí nghiệm viên (***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			0.25mm, Ống đong thủy tinh; Bình tam giác; Hóa chất...	
10.	Xác định độ góc cạnh của cát	AASHTO T304	Bộ ống đong và phễu; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g; Tấm kính phẳng; Dao gạt...	
11.	Phân loại đất; Phân loại đất sét	TCVN 5746:2024, 14183:2024; AASHTO M145; TCVN 13346:2021	Bộ xác định giới hạn chảy, dẻo; Tủ sấy; Hộp sấy ẩm; Cân kỹ thuật ĐCX 0.01g...	
II.	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG, VỮA, BÊ TÔNG NHỰA			
12.	Lấy mẫu, rút gọn mẫu	TCVN 14135-1,2:2025	Bộ chia mẫu; Xẻng; Dụng cụ chứa;...	
13.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27, T37, T304; ASTM C136, D546; TCVN 14135-5:2024	Bộ sàng tiêu chuẩn; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g; Tủ sấy; Khay...	
14.	Lượng vật liệu nhỏ hơn 75 µm bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4:2024	Sàng 0.075mm; Tủ sấy; Khay;...	
15.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; TCVN 8735:2012; AASHTO T84, T85; ASTM C128, C127; BS EN 1097-6	Bình đong; Bộ sàng tiêu chuẩn; Giá cân thủy tinh; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g; Tủ sấy; Khay...	
16.	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T85, T19; ASTM C127; BS EN 1097-6,7	Thùng đong; Bộ sàng tiêu chuẩn; Giá cân thủy tinh; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g; Tủ sấy; Khay...	
17.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; AASHTO T19	Phễu và thùng đong; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g; Tủ sấy...	
18.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566	Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g; Tủ sấy; Khay...	
19.	Xác định hàm lượng chung bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T11, T112; ASTM C117, C142	Bộ bình rửa; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g; Tủ sấy...	
20.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21	Hóa chất; Ống đong...	

Phạm Văn Phú; Hà Hoàng Lâm; Hoàng Mạnh Đức; Bùi Xuân Bách; An Thị Thùy Trang; Nguyễn Minh Thuận; Lê Văn Quỳnh; Đặng Văn Đang; Nguyễn Huy Huân; Nguyễn Bá Phương; Tòng Văn Dân; Tòng Văn Giúp; Vũ Văn Duy...

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (*)	Thiết bị chính (**)	Thí nghiệm viên (***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335	Thước kẹp thoi dẹt; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g...	
22.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; AASHTO T112	Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g, Khay, Tủ sấy,...	
23.	Đương lượng cát	TCVN 14134-5:2024; ASTM D5102, D2419; AASHTO T176; JIS A1801	Bộ đo ES; Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g, Ống, bình đong; Hóa chất; ...	
24.	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu có trong cốt liệu	TCVN 14135-3:2025	Cân kỹ thuật ĐCX 0.1g; Sàng; Khay; Tủ sấy,...	
III.	VẬT LIỆU LIÊN KẾT BẰNG CHẤT KẾT DÍNH			
25.	Xác định cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011; ASTM C496; AASHTO T283	Máy nén; gá ép chẻ...	Bùi Xuân Bách; An Thị Thùy Trang; Nguyễn Minh Thuận; Lê Văn Quỳnh; Đặng Văn Đăng; Nguyễn Huy Huân; Nguyễn Bá Phương; Tòng Văn Dân; Vũ Văn Duy...
IV.	BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG			
26.	Độ sụt của hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3106:2022; AASHTO T119; ASTM C143	Côn Abrams; Thanh đầm; Thước đo độ sụt; Khay trộn.	Phạm Văn Phú; Hà Hoàng Lâm; Hoàng Mạnh Đức; Bùi Xuân Bách; An Thị Thùy Trang; Nguyễn Minh Thuận; Lê Văn
27.	Cường độ nén	TCVN 3118:2022; TCVN 12604-1:2019; ASTM C39, C42, C1604	Máy nén thủy lực; Thước kẹp; Bể dưỡng hộ; Gá nén...	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (*)	Thiết bị chính (**)	Thí nghiệm viên (***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Quỳnh; Đặng Văn Đang; Nguyễn Huy Huân; Nguyễn Bá Phương; Tòng Văn Dân; Tòng Văn Giúp; Vũ Văn Duy...
V. BÊ TÔNG NHỰA				
28.	Thí nghiệm Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245; ASTM D1559, D6927	Máy nén Marshall; Bộ khuôn đúc mẫu; Búa đầm tự động; Bể ngâm mẫu điều nhiệt; Cung lực và đồng hồ đo lún.	Phạm Văn Phú; Hà Hoàng Lâm; Hoàng Mạnh Đức; Bùi Xuân Bách; An Thị Thùy Trang; Nguyễn Minh Thuận; Lê Văn Quỳnh; Đặng Văn Đang; Nguyễn Huy Huân; Nguyễn Bá Phương; Tòng Văn Dân; Tòng Văn Giúp; Vũ Văn Duy...
29.	Hàm lượng bitum trong hỗn hợp bê tông nhựa theo phương pháp chiết	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164; ASTM D2172	Máy chiết ly tâm hoặc máy chiết áp lực; Dung môi; Cân điện tử ĐCX 0.1g và 1g; Tủ sấy.	
30.	Thành phần hạt của cốt liệu trong bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27; ASTM C136	Bộ sàng tiêu chuẩn; Cân điện tử; Tủ sấy...	
31.	Khối lượng riêng	TCVN 8860-4:2011; AASHTO T209; ASTM D2041	Bình tỷ trọng (Pycnometer); Bơm hút chân không; Bể ngâm mẫu điều nhiệt; Cân điện tử.	
32.	Khối lượng thể tích của bê tông nhựa	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T166; ASTM D2726	Cân thủy tĩnh; Bể nước ngâm mẫu điều nhiệt; Tủ sấy.	
33.	Độ góc cạnh của cát, cốt liệu	TCVN 8860-7:2011; TCVN 11807:2017	Thiết bị đo độ góc cạnh (phễu tiêu chuẩn); Bình đong mẫu; Thuốc gạt; Cân ĐCX 1g...	
34.	Hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; AASHTO T230	Máy khoan mẫu lấy lõi hiện trường; Cân thủy tĩnh; Tủ sấy.	
35.	Độ rỗng dư của hỗn hợp bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269; ASTM D3203	Cân thủy tĩnh; Bể nước ngâm mẫu điều nhiệt; Tủ sấy...	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (*)	Thiết bị chính (**)	Thí nghiệm viên (***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36.	Độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T165; ASTM D1559	Máy nén Marshall; Bể ổn nhiệt...	
37.	Tổn thất Cantabro	TCVN 11415:2016; ASTM D7064	Máy Los Angeles; Khuôn và máy đầm;	
38.	Tỷ lệ độ rỗng liên thông	TCVN 13048:2024	Cân ĐCX 0.5g; Thuốc kẹp; Bể duy trì; Rọ treo thủy tĩnh...	
39.	Xác định tỷ trọng khối của hỗn hợp bê tông nhựa đã đầm nén sử dụng mẫu bọc Parafin	AASHTO T275	Cân ĐCX 0.1g; Tủ sấy; khay chứa...	
40.	Chiều dày màng nhựa	TCVN 12759:2019	Máy tính,...	
41.	Thí nghiệm thấm nước	TCVN 11634:2017	Thiết bị đo thấm cột nước không đổi, cân ĐCX 0.5g, đồng hồ..	
VI.	SON NHIỆT ĐỎ PHẢN QUANG			
42.	Độ phản quang	TCVN 8791:2011; EN 1436; ASTM E1710, E2177, E2302	Máy đo phản quang; Dụng cụ vệ sinh...	Bùi Xuân Bách; An Thị Thùy Trang; Nguyễn Minh Thuận; Lê Văn Quỳnh; Đặng Văn Đăng; Nguyễn Huy Huân; Vũ Văn Duy...
43.	Độ chống trượt; Độ phát sáng; Kích thước hình học	TCVN 8791:2011; TCVN 11474:2016; ASTM D4060	Bình tỷ trọng; Tủ sấy; Lò nung; Cân ĐCX 0.1g, 0.01g, Con lắc Anh; Máy đo màu; Nhiệt kế; Bộ sàng tiêu chuẩn;...	
44.	Độ dính bám	TCVN 12816-1:2019; ISO 16276-1:2007; ASTM D4541	Máy đo độ dính bám; Dụng cụ vệ sinh; Máy khoan cầm tay...	
VII.	KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			
45.	Kim loại, bulong, đai ốc – phương pháp thử kéo dọc, độ giãn dài, khối lượng, kích thước	TCVN 197:2014; ASTM A370; AASHTO T68	Máy thử kéo nén vạn năng; Bộ gá thử bu lông chuyên dụng; Thuốc cặp điện tử; Cân điện tử chính xác.	Bùi Xuân Bách; Nguyễn Minh Thuận; Lê Văn Quỳnh; Nguyễn Huy Huân; Tòng Văn Dân; Tòng Văn Giúp; Vũ Văn Duy; Nguyễn
46.	Kim loại – phương pháp thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 6287:1997; ASTM A370, E290; AASHTO T244; JIS Z2248	Gá uốn tiêu chuẩn (theo đường kính gó uốn); Máy thử vạn năng hoặc máy nén thủy lực có bộ đồ gá uốn.	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (*)	Thiết bị chính (**)	Thí nghiệm viên (***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Phú Thành; Nguyễn Tiền Mạnh...
VIII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
47.	Xác định khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; AASHTO T191; ASTM D1556	Cân có độ chính xác 0.01g; Tủ sấy mẫu; Bình chứa cát; Phễu rót cát; Tấm đế ...	Phạm Văn Phú; hà Hoàng Lâm; Hoàng Mạnh Đức; Bùi Xuân Bách; Nguyễn Minh Thuận; Lê Văn Quỳnh; Đặng Văn Đăng; Nguyễn Huy Huân; Nguyễn Bá Phương; Phạm Sỹ Doanh; Nguyễn Cảnh Phúc; Lương Xuân Ngọc; Nguyễn Phú Thành; Phạm Trần Minh Chiến; Nguyễn Tiến Mạnh; Vũ Văn Duy; Nguyễn Văn Bắc...
48.	Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950/E1082	Thước dài 3m, nêm đo độ hở, thước lá.	
49.	Áo đường mềm – Xác định modun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkenman	TCVN 8867:2025; ASTM 4685; AASHTO T256	Cần đo vòng Benkelman, đồng hồ đo biến dạng ...	
50.	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 12791:2020; ASTM D2937; AASHTO T204	Bộ dao đai, ống chụp, búa, cân ĐCX 1g, tủ sấy/bếp sấy	
51.	Mặt đường ô tô – Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965; AASHTO T28	Bộ cốc đong cát, đĩa san cát, bàn chải, thước đo...	
52.	Xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011; ASTM E1926, E1364	Máy đo IRI chuyên dụng...	
53.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng con lăn Anh	AASHTO T278; TCVN 10271:2014; ASTM E303	Bộ con lăn Anh, tấm cao su chuẩn..	
54.	Đo chuyển vị, ứng suất, độ võng của cầu	TCVN 12882:2020; TCVN 9114:2019	Máy đo biến dạng, cảm biến đo võng, máy toàn đạc/thủy bình độ chính xác cao, bộ thu dữ liệu.	
55.	Bê tông nặng – Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy bê tông, đá mài chuẩn.	
56.	Bê tông nặng – Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022	Máy siêu âm bê tông, cặp đầu dò, mỡ tiếp xúc...	
57.	Xác định sức chịu tải của neo	TCVN 8870:2011	Kích thủy lực chuyên dụng, đồng hồ đo lực, đồng hồ đo chuyển vị...	
58.	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Máy siêu âm định vị cốt thép, giấy ráp, bàn chải, máy mài,..	
GHI CHÚ: (*) Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật/ quy chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn kỹ thuật/ quy chuẩn kỹ thuật cũ, phải áp dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật/ quy chuẩn kỹ thuật mới tương ứng.				

PHỤ LỤC II

DANH MỤC THIẾT BỊ TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo Văn bản số **242** /TTKT&CNĐBPB-TNKĐ ngày **15/09/2026**)

TT	Thiết bị thí nghiệm	Đơn vị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng
I Thiết bị thí nghiệm trong phòng					
1.	Bộ khuôn mẫu bê tông nhựa	Cái	15x30	9	Tốt
2.	Bộ Kepping mẫu trụ	Bộ		01	Tốt
3.	Bộ chày cối đầm Proctor	Bộ		01	Tốt
4.	Cân điện tử	Cái	30kg (d=1g/ 0.5g); 15kg (d=0.1g); 15kg (d=0.1g) 10kg (d=0.1g); 4000g (d=0.01g); 600g (d=0.01g)	06	Tốt
5.	Tủ sấy	Cái	0°C-300°C	02	Tốt
6.	Nhiệt kế điện tử	Cái	0-250°C	01	Tốt
7.	Nhiệt kế (Súng bắn nhiệt độ)	Cái	-50÷300°C	01	Tốt
8.	Máy nén CBR kèm cung lực 0-50KN;	Bộ	Phạm vi đo (0÷50) KN;	01	Tốt
9.	Cung lực 0-30KN		(0-30) KN	01	Tốt
10.	Đồng hồ so	Cái	d= 0.01mm	18	Tốt
11.	Máy chiết nhựa	Cái	3000 vòng/phút	02	Tốt
12.	Máy đầm Marshall tự động	Cái	Trọng lượng búa 4536g±9g	01	Tốt
13.	Đế đầm Marshall	Chiếc	Kích thước 203x203x457mm được bịt đầu bằng bản thép kích thước 305x305x25mm 2	2	Tốt
14.	Khuôn đầm Marshall	Chiếc	Đường kính trong 101,6 mm ±0,2 mm, kèm đế và khuôn dẫn	24	Tốt
15.	Máy nén Marshall kèm cung lực 0-30kN	Cái	Phạm vi đo (0÷30)KN	01	Tốt
16.	Bình ổn nhiệt (Bể ổn nhiệt)	Cái	0-100°C	01	Tốt
17.	Lò nung	Cái	1000°C	01	Tốt
18.	Máy hút chân không kèm áp kế, bình hút	Cái	Áp suất dưới 30mmHg	01	Tốt
19.	Cần Benkelman	Cái	Tỷ lệ 2:1	01	Tốt
20.	Cối đầm CBR (kèm các cục gia tải, đĩa phân tách, giá đo trương nở)	Cái	Đường kính cối 152.4±0.66 mm, chiều cao 177.8 ± 0.46mm	18	Tốt
21.	Thước lá	Cái	5m	03	Tốt
22.	Thước kẹp	Cái	0-200mm	01	Tốt
23.	Thước kẹp thoi dẹt	Cái	0-200mm	01	Tốt
24.	Khay đựng mẫu	Cái	50x50cm	05	Tốt
25.	Bộ thí nghiệm chảy dẻo (Loại Casagrande)	Bộ	Dao tạo rãnh rộng 40mm (mũi dao rộng 2mm, cao 8mm), tấm kính nhám	01	Tốt
26.	Bộ sàng tiêu chuẩn	Bộ	Các cỡ 0.075, 0.09, 0.14, 0.15, 0.25, 0.3, 0.315, 0.425, 0.5, 0.6, 0.63, 1.0, 1.18, 1.7, 2.0, 2.36, 4.75, 5, 9.5, 10, 12.5, 16, 19, 20, 25, 37.5, 40, 50	01	Tốt
27.	Chổi lông	Cái	3cm	05	Tốt

TT	Thiết bị thí nghiệm	Đơn vị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng
28.	Thùng ngâm mẫu	Cái	30x60cm	18	Tốt
29.	Máy đầm tự động dùng cho đất và cấp phối	Bộ	Tốc độ đầm: 30 lần/ phút. Công suất mô tơ: 250W, 1440 v/ph	01	Tốt
30.	Bộ thí nghiệm hàm lượng bụi, bùn, sét	Bộ	Thùng cốt liệu nhỏ; D120; Thùng cốt liệu lớn D250	02	Tốt
31.	Bộ thiết bị thí nghiệm dung trọng riêng và độ hút nước của cốt liệu thô	Bộ	Áp xuất dưới 30mmHg	01	Tốt
32.	Bộ chia mẫu cốt liệu thô	Bộ		01	Tốt
33.	Bộ chia mẫu cốt liệu nhỏ	Bộ		01	Tốt
34.	Bình Tam giác	Cái	150 ml	01	Tốt
35.	Kích tháo mẫu	Cái	5T	01	Tốt
36.	Máy phát	Cái	5kW	02	Tốt
37.	Bộ thí nghiệm KLTT xốp cốt liệu lớn, nhỏ	Bộ		02	Tốt
38.	Con lắc Anh	Bộ		01	Tốt
39.	Bộ thí nghiệm đương lượng cát	Bộ		01	Tốt
40.	Bộ đo góc cạnh cốt liệu thô	Bộ		01	Tốt
41.	Thang nhôm	Cái	5m	01	Tốt
42.	Bộ đảm bảo giao thông: Chóp nón; gậy chỉ hướng; biển báo; bộ đàm	Bộ		01	Tốt
43.	Máy tính xách tay	Cái		03	Tốt
44.	Máy in	Cái	Cannon	01	Tốt
45.	Xe máy	Chiếc		02	Tốt
II Thiết bị thí nghiệm hiện trường					
46.	Bộ thí nghiệm Đo E nền đường tấm ép cứng	Bộ	Kèm đồng hồ, gá đỡ, tấm ép, mỡ, giấy, chổi	01	Tốt
47.	Cần đo E Benkelman	Bộ	Kèm đồng hồ, gá, mỡ, giấy, chổi	01	Tốt
48.	Máy đục	Cái	1500W	02	Tốt
49.	Bộ thí nghiệm phễu rót cát	Bộ	D=165,1 m	02	Tốt
50.	Máy khoan lấy mẫu bê tông nhựa	Cái	Đường kính mũi khoan 101 đến 150 mm	02	Tốt
51.	Cát chuẩn	Kg	Cỡ hạt 0.3 - 2.5mm	100	Tốt
52.	Máy cắt	Cái	Chiều sâu cắt 5 - 15 cm	01	Tốt
III Điều chuyển theo tiến độ thi công các hạng mục của dự án					
1.	Máy toàn đạc	Cái	TCR802 POWER R100	01	Tốt
2.	Máy siêu âm bê tông	Cái	C369N Matest	01	Tốt
3.	Máy dò cốt thép	Cái	Profometer 5, Proceq	01	Tốt
4.	Súng bột này	Cái	Proceq	01	Tốt
5.	Máy phản quang	Cái	Delta LTL-XL	01	Tốt
6.	Máy dính bảm	Cái	Positest AT-M	01	Tốt
7.	Bộ thí nghiệm thấm bê tông nhựa	Bộ	Bao gồm: Ống cột nước, bọc mẫu, khuôn giữ mẫu, tấm đục lỗ, khay chứa nước, phụ kiện	01	Tốt

